

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 06/5/2021

“V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp và ông Y Do Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 95/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 95/TB-TA, ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hải D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khôi 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H nhiều lần vay tiền của bà Trương Thị Tuyết V. Mục đích vay: Dùng để trả nợ và đáo hạn ngân hàng, khi vay hai bên có xác lập nhiều hợp đồng vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 17/11/2019 vay 60.000.000 đồng hẹn đến ngày 18/12/2019 trả gốc và lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Ngày 28/12/2019 vay 30.000.000 đồng hẹn ngày 28/02/2020 trả gốc và lãi suất 2%/tháng; Ngày 18/01/2020 vay 20.000.000 đồng hẹn ngày 18/02/2020 trả gốc; Ngày 28/02/2020 vay 40.000.000 đồng hẹn ngày 28/3/2020 trả gốc và lãi suất 2%/tháng; Ngày 15/6/2020 vay 130.000.000 đồng hẹn ngày 15/7/2020 trả gốc và lãi suất với mức lãi 2%/tháng.

Quá thời hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H vẫn chưa trả cho bà Trương Thị Tuyết V được khoản tiền gốc và tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/02/2021 bà Trương Thị Tuyết V làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T phải có nghĩa vụ trả nợ theo các giấy vay tiền ngày 28/12/2019, ngày 18/01/2020, ngày 28/02/2020 và ngày 15/6/2020.

Bà Trương Thị Tuyết V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V số tiền 60.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 17/11/2019 và yêu cầu bà Ngô Thị H trả số tiền 280.000.000 đồng nợ gốc theo các giấy vay tiền ngày 17/11/2019, ngày 28/12/2019, ngày 18/01/2020, ngày 28/02/2020 và ngày 15/6/2020 và tiền lãi theo quy định của Pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H đến Tòa án lập bản tự khai, phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

+ Buộc bà Ngô Thị H phải trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền 210.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T phải trả tổng số tiền 210.000.000 đồng theo các giấy vay tiền đề ngày 28/12/2019, ngày 18/01/2020, ngày 28/02/2020 và ngày 15/6/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về hình thức:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết V đề ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H đều cư trú tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T phải có nghĩa vụ trả 210.000.000 đồng theo các giấy vay tiền đề ngày 28/12/2019, ngày 18/01/2020, ngày 28/02/2020 và ngày 15/6/2020. Việc rút đơn trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Ngô Thị H phải trả tổng số tiền 210.000.000 đồng nợ gốc và buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả 60.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã triệu tập bị đơn bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Mạnh T đến Tòa án để làm việc và trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở giải quyết vụ án, nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn theo các giấy vay tiền ngày 17/11/2019; 28/12/2019; 18/01/2020; 28/02/2020; 15/6/2020.

Tại Bản kết luận giám định số 07/KLGD-PC09, ngày 12/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Mạnh T trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Mạnh T trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, là do cùng một người ký ra. 2. Chữ ký mang tên Ngô Thị H trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Ngô Thị H trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, là do cùng một người ký ra.*

Tại Bản kết luận giám định số 26/KLGD-PC09, ngày 15/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“Chữ viết mang tên Ngô Thị H trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, A3, A4 so với chữ viết đứng tên Ngô Thị H trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, là do cùng một người viết ra.*

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 17/11/2019, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H vay bà Trương Thị Tuyết V số tiền 60.000.000 đồng. Các ngày 28/12/2019, 18/01/2020, 28/02/2020 và 15/6/2020 bà Ngô Thị H vay bà Trương Thị Tuyết V với tổng số tiền 210.000.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, đến thời hạn ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H chưa trả nợ cho bà Trương Thị Tuyết V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 17/11/2019. Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền

vay gốc: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) theo các giấy vay tiền đề ngày 28/12/2019, 18/01/2020, 28/02/2020 và 15/6/2020.

[2.2] Về tiền lãi: Tại hợp đồng vay tiền đề ngày 17/11/2019, ngày 28/12/2019, ngày 28/02/2020, ngày 15/6/2020 các bên thỏa thuận tiền lãi là 2%/tháng và hợp đồng vay tiền đề ngày 18/01/2020 các bên không thỏa thuận tiền lãi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính tiền lãi 10%/năm và tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/5/2021). Xét yêu cầu tính lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hợp lý và đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể như sau:

- Từ ngày 18/12/2019 đến ngày 06/5/2021 = 60.000.000 đồng x 505 ngày : 365 ngày x 10% = 8.301.000 đồng^[1].

- Từ ngày 28/02/2020 đến ngày 06/5/2021 = 20.000.000 đồng x 433 ngày : 365 ngày x 10% = 2.372.000 đồng^[2].

- Từ ngày 18/02/2020 đến ngày 06/5/2021 = 20.000.000 đồng x 443 ngày : 365 ngày x 10% = 2.427.000 đồng^[3].

- Từ ngày 28/3/2020 đến ngày 06/5/2021 = 40.000.000 đồng x 404 ngày : 365 ngày x 10% = 4.427.000 đồng^[4].

- Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 06/5/2021 = 130.000.000 đồng x 295 ngày : 365 ngày x 10% = 10.506.000 đồng^[5].

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Ngô Mạnh Tiến, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền 68.301.000 đồng, trong đó tiền vay gốc: 60.000.000 đồng và tiền lãi 8.301.000 đồng^[1]. Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền 229.732.000 đồng^{[2]+[3]+[4]+[5]}, trong đó tiền vay gốc: 210.000.000 đồng và tiền lãi 19.732.000 đồng

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn được chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị đơn ông Nguyễn Mạnh T và bà Ngô Thị H phải chịu 12.000.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Trương Thị Tuyết V không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải trả số tiền 12.000.000 đồng cho bà Trương Thị Tuyết V.

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vợ chồng ông Ngô Mạnh T, bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Trương Thị Tuyết V 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Trương Thị Tuyết V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0014453 ngày 06/10/2020.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết V.

- Buộc vợ chồng ông Ngô Mạnh Tiến, bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền 68.301.000 đồng, trong đó tiền vay gốc: 60.000.000 đồng và tiền lãi 8.301.000 đồng.

- Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết V tổng số tiền 229.732.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi 19.732.000 đồng.

Kể từ ngày 07/5/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T phải trả tổng số tiền 210.000.000 đồng theo các giấy vay tiền đề ngày 28/12/2019; 18/01/2020; 28/02/2020 và ngày 15/6/2020.

3. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T, bà Ngô Thị H phải trả 12.000.000 đồng cho bà Trương Thị Tuyết V về chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Ngô Mạnh T, bà Ngô Thị H phải chịu 3.415.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị H phải chịu 13.194.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trương Thị Tuyết V 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Vân đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0014453 ngày 06/10/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrăk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phi Long

